TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2018/HNGĐ-ST Ngày 19/4/2018 "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.
2. Ông Siu Tơ Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành A, sinh năm 1991. (Vắng mặt).
Đều trú tại địa chỉ: Tổ dân phố xxx, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành A tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Nguyên nhân do anh A bị nghiện ma túy và đến năm 2014 đi trại

cai nghiện. Từ năm 2014 cho đến nay, không còn chung sống với nhau nữa, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành A.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Thành A có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 01/11/2012 . Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành A: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh A tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành A; Về con chung: cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 01/11/2012 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/12/2017, nguyên đơn là chị Lê Thị T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Thành A và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị T đúng quy định, anh Nguyễn Thành A có nơi cư trú tại Tổ dân phố xx, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia

Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Nguyễn Thành A đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A đều không đến Tòa án để làm việc và không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh A vắng mặt lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thành A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của chị T thì trong quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh A nghiện ma túy, nên vợ chồng thường nảy sinh tranh cãi, bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau nữa, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, không thể hàn gắn được. Việc anh A vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc cho mọi việc xảy ra; Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh A đã được chính quyền địa phương xác nhận. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh A là có thật, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã ly thân, không sống chung với nhau một thời gian dài, chị T không còn tình cảm yêu thương anh A nên kiên quyết xin ly hôn; anh A không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa xem như từ bỏ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh A.

[2.2].Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh A có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 01/11/2012, chị T yêu cầu được nuôi con. Hiện nay cháu T còn nhỏ, từ nhỏ cho đến nay đều sống với mẹ, đồng thời Phòng Lao động-Thương binh xã hội huyện Chư Sê có ý kiến với hoàn cảnh hiện tại, cháu T đang sinh sống ổn định với chị T nên giao cháu cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 01/11/2012 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3].Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4].Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5].Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 01/11/2012 cho chị Lê Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thành A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001647 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2018). Bị đơn là anh A vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Hà Viết Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- UBND thị trấn Chư Sê;
- Đương sư;
- Lưu hồ sơ.